

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 10,000 VNĐ | | |
| 30/09/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 0% | 0% | 0% |

| | |
|-------|-------------------|
| Q3/24 | |
| ROE | -33.7% |
| | +/- YoY ▼ 8.2% |

| | |
|----------|--------------------------|
| Q3/24 | |
| DT thuần | 0.16 |
| | tỷ VNĐ |
| | QoQ ▼ 0.08 ▼ 31.5% |
| | YoY ▼ 0.16 ▼ 48.6% |

| | |
|----------|--------------------------|
| 9T 2024 | |
| DT thuần | 0.57 |
| | tỷ VNĐ |
| | YoY ▼ 1.16 ▼ 66.8% |

| | |
|--------|--------------------------|
| Q3/24 | |
| LN gộp | 0.09 |
| | tỷ VNĐ |
| | QoQ ▼ 0.05 ▼ 37.2% |
| | YoY ▲ 0.15 ▲ 246% |

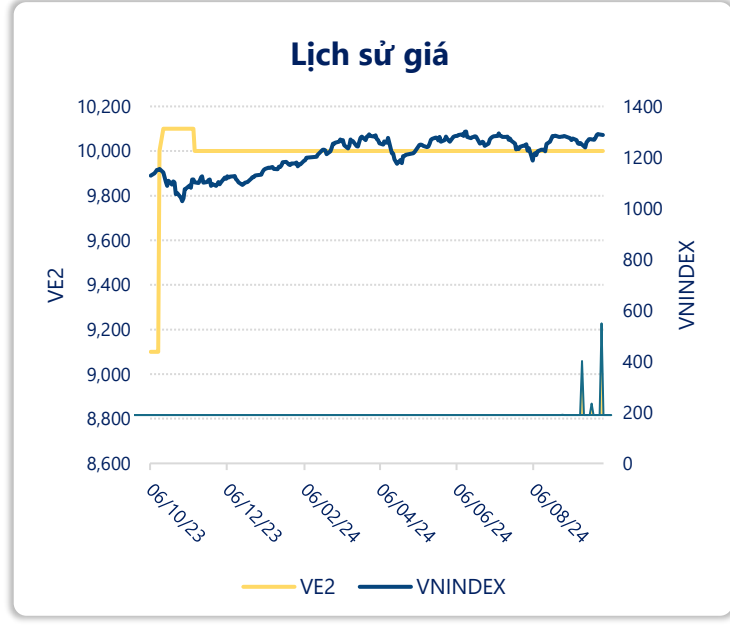
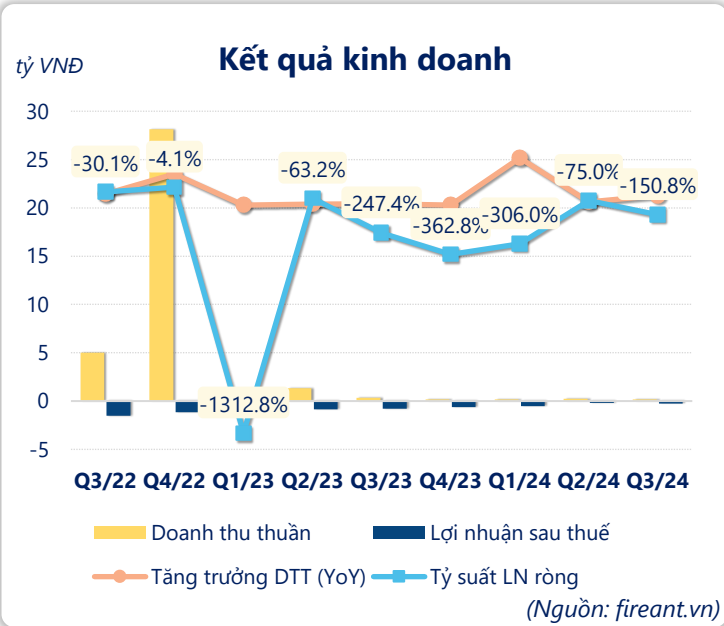
| | |
|---------|--------------------------|
| 9T 2024 | |
| LN gộp | 0.36 |
| | tỷ VNĐ |
| | YoY ▲ 0.10 ▲ 37.6% |

| | |
|----------|--------------------------|
| Q3/24 | |
| LN thuần | -0.24 |
| | tỷ VNĐ |
| | QoQ ▼ 0.06 ▼ 35.2% |
| | YoY ▲ 0.56 ▲ 69.6% |

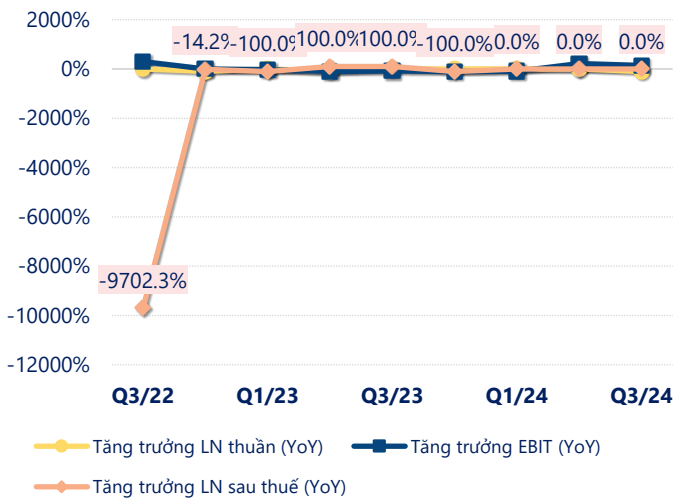
| | |
|----------|--------------------------|
| 9T 2024 | |
| LN thuần | -0.95 |
| | tỷ VNĐ |
| | YoY ▲ 1.53 ▲ 61.8% |

| | |
|-------------|--------------------------|
| Q3/24 | |
| LN sau thuế | -0.25 |
| | tỷ VNĐ |
| | QoQ ▼ 0.07 ▼ 37.8% |
| | YoY ▲ 0.55 ▲ 69.0% |

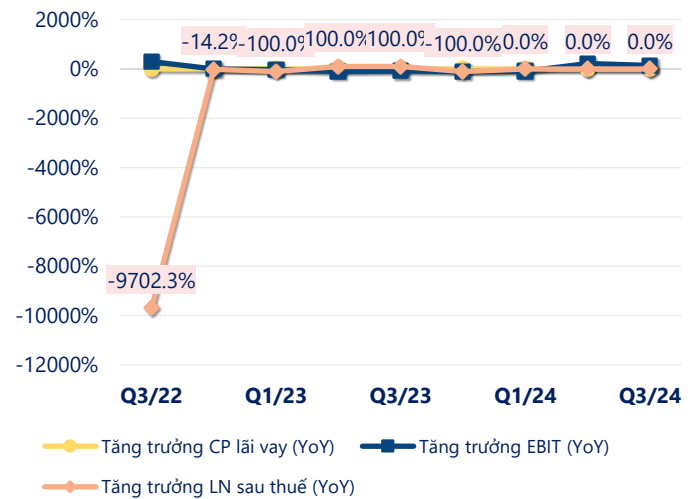
| | |
|-------------|--------------------------|
| 9T 2024 | |
| LN sau thuế | -0.95 |
| | tỷ VNĐ |
| | YoY ▲ 1.60 ▲ 62.6% |



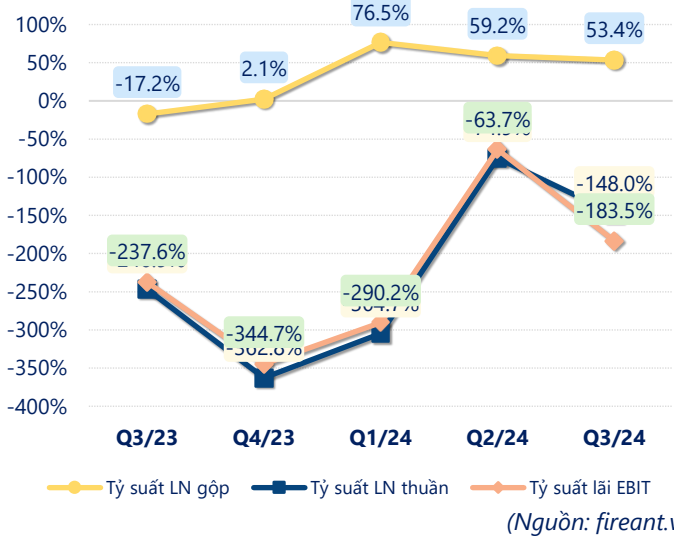
Tăng trưởng lợi nhuận



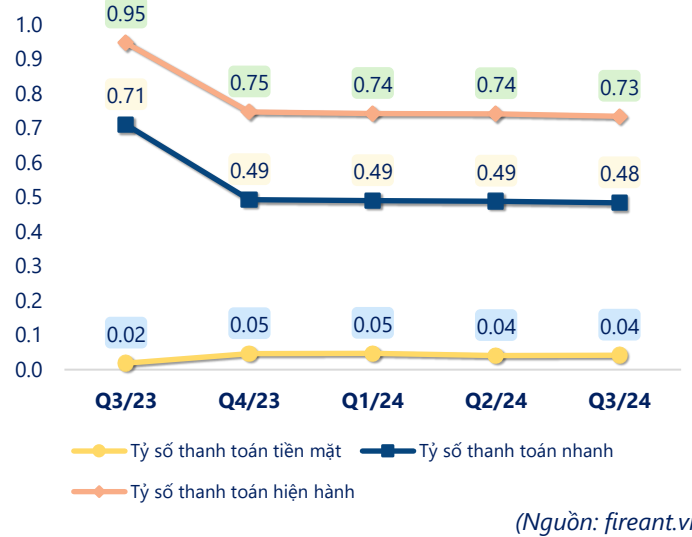
Tăng trưởng chi phí



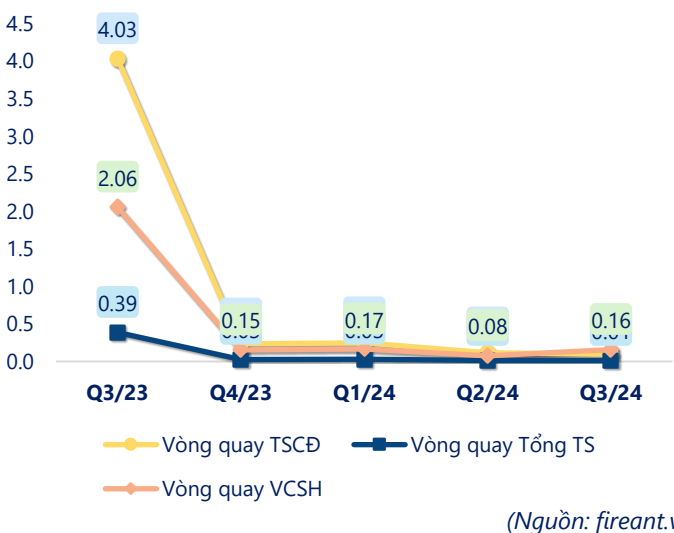
Tỷ suất lợi nhuận



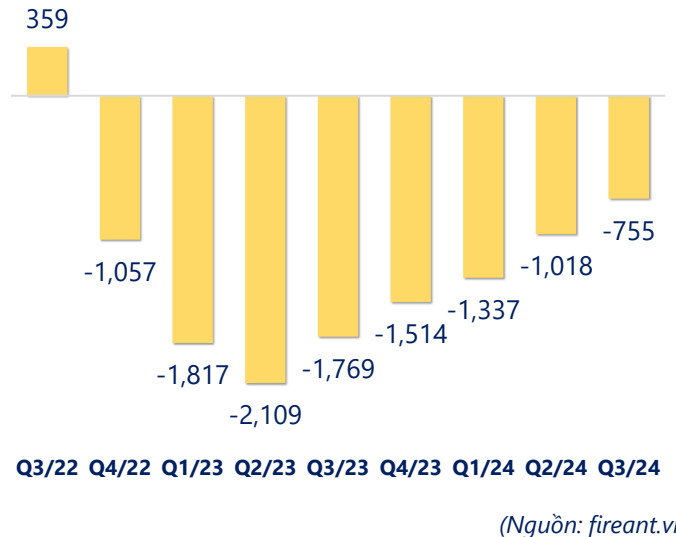
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q3/24 | Q3/23 | Thay đổi YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|--------------|--------------|-----------------|--------------|--------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 0.16 | 0.32 | -48.6% | 0.57 | 1.73 | -66.8% |
| Giá vốn hàng bán | 0.08 | 0.38 | -79.9% | 0.21 | 1.47 | -85.4% |
| Lợi nhuận gộp | 0.09 | -0.06 | 246% | 0.36 | 0.26 | 37.6% |
| Doanh thu HĐTC | 0.03 | 0.01 | 168% | 0.11 | 0.02 | 572% |
| Chi phí TC | -0.05 | 0.09 | -160% | 0.00 | 0.22 | -100.0% |
| Chi phí lãi vay | -0.05 | 0.03 | -279% | 0.00 | 0.14 | -100% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí QLDN | 0.41 | 0.66 | -37.6% | 1.41 | 2.54 | -44.4% |
| LN thuần từ HĐKD | -0.24 | -0.80 | 69.6% | -0.95 | -2.48 | 61.8% |
| Lợi nhuận khác | 0.00 | 0.00 | | -0.01 | -0.07 | 89.7% |
| LN trước thuế | -0.25 | -0.80 | 69.0% | -0.95 | -2.55 | 62.6% |
| Lợi nhuận sau thuế | -0.25 | -0.80 | 69.0% | -0.95 | -2.55 | 62.6% |
| LNST của CĐ cty mẹ | -0.25 | -0.80 | 69.0% | -0.95 | -2.55 | 62.6% |

(Nguồn: fireant.vn)

